TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2017
"V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Đức Minh;
2. Ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Long Ca – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2015/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2015 về việc: *"Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX - ST ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn 1, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Th (tên gọi khác: H), sinh năm 1977; Địa chỉ: Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Năm 2015 chị Th và anh Th thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, tuy nhiên hai bên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trong quá trình chung sống chị và anh Th đã tạo lập được một số tài sản chung là 01 ngôi nhà gỗ nằm trên diện tích 6000m2 đất rẫy trồng tiêu, cà phê tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông; 01 ti vi; 01 dàn máy xịt thuốc sâu và mô tơ cùng 04 cuộn dây; 01 tủ lạnh; 1,2m3 gỗ; 02 chiếc xe máy BKS 48F6-9892 và 48K1-01412; 80.000.000 đồng tiền bán cà phê và hồ tiêu

năm 2015, nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp nên chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 3 năm 2016 chị Th đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với các tài sản là 01 ngôi nhà gỗ; 01 ti vi; 01 dàn máy xịt thuốc sâu và mô tơ cùng 04 cuộn dây; 01 tủ lạnh; 1,2m3 gỗ; 80.000.000 đồng tiền bán cà phê và hồ tiêu năm 2015. Số tài sản chung chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết còn lại là diện tích 6000m2 đất rẫy trồng tiêu, cà phê; 02 chiếc xe máy BKS 48F6-9892 và 48K1-01412.

Chị Th xác định đất và tài sản trên đất cũng như hai chiếc xe máy là tài sản chung của chị và anh Th, hiện anh Th đang quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất, đối với hai chiếc xe máy anh Th đã bán được 16.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Nay chị yêu cầu chia khối tài sản chung của vợ chồng, cụ thể chị được quản lý, sử dụng, sở hữu một nữa khối tài sản chung là đất và tài sản chung trên đất, đồng thời yêu cầu anh Th phải trả lại 8.000.000 đồng tiền đã bán đi hai chiếc xe máy và anh Th đã tiêu xài cá nhân mà chị không biết.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Chị Đỗ Thị Th đã tạm ứng số tiền 6.900.000 đồng *(Sáu triệu chín trăm nghìn đồng)*. Nay yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán lại 50% chi phí định giá, cụ thể anh Tọ phải trả lại 3.450.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

Năm 2015 tôi và chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức cho ly hôn theo quy định pháp luật. Về phần tài sản chung hai vợ chồng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức chia tài sản chung gồm hai chiếc xe máy và diện tích 6000m2 đất và toàn bộ cây trồng trên đất tại Bon B , xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông anh Th không đồng ý vì:

- Đối với hai chiếc xe máy BKS 48F6-9892 mua vào năm 2007 và BKS 48K1-01412 mua vào năm 2012 là tài sản chung của hai vợ chồng. Tuy nhiên vào khoảng tháng 6 năm 2015 khi hai vợ chồng đã ly hôn và tôi sử dụng 02 chiếc xe này nhưng do bị bệnh không có tiền để chữa bệnh nên tôi đã bán hai chiếc xe trên được 16.000.000 đồng để chữa bệnh. Nay chị Th yêu cầu chia đôi giá trị của hai chiếc xe tôi không đồng ý số tiền bán xe tôi dùng vào việc chữa bệnh.

- Đối với diện tích đất 6000m2 tại bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông có nguồn gốc vào năm 2008 tôi và chị Th mua của ông Phan Văn Tr với diện tích 1,2 hec ta đất trắng, sau khi mua hai vợ chồng đã tiến hành trồng 500 cây cà phê chè, 250 cây cà phê vối, 600 trụ tiêu, khoảng 16 cây mít, 02 cây mận, 03 cây xoài, 01 giếng nước. Vào tháng 12 năm 2012 vợ chồng tôi mua thêm của anh Điểu L và Thị H được 2000m2 đất sát rẫy của tôi trước đây. Đến năm 2013 vì cần tiền cho con ăn học và để xây nhà nên chúng tôi có bán 7000m2 đất cho anh Huỳnh Văn H được 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* tuy nhiên số tiền này do bố vợ của tôi là ông O cầm và không giao lại cho tôi, khi bố vợ tôi lấy tiền của tôi đi cũng không có giấy tờ gì. Vì do bố vợ tôi lấy tiền bán đất

tương đương 7000m2 thì số đất còn lại 6000m2 là của tôi. Nên tôi không đồng ý chia đôi diện tích đất như yêu cầu của chị Th.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản anh Th không đồng ý trả 3.450.000 đồng cho chị Th vì anh Th không đồng ý chia tài sản chung.

* Trong phần tranh luận tại phiên toà vị đại diện VKS trình bày lời phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 59; Các Điều 33, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Th, anh Nguyễn Hữu Th phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn và tài sản tranh chấp cùng có địa chỉ tại xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án, tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định. Tòa án tiến hành phiên hòa giải nhưng không thành nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử vào ngày 18 tháng 9 năm 2017, anh Nguyễn Hữu Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do, tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh Th theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hữu Th.

[3] Về nội dung tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị Th chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung gồm: Diện tích đất khoảng 6.000m2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, đất đã được đo năm 2012 đứng tên chị Đỗ Thị Th nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng, giếng nước trên đất, cùng hai chiếc xe máy. HĐXX xét thấy yêu cầu này của chị Th là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị Th.

Đối với lý do anh Th không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của chị Th, HĐXX xét thấy là không phù hợp vì:

- Đối với hai chiếc xe máy chị Th và anh Th cùng thừa nhận là tài sản chung của hai vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn anh Th là người quản lý, sử dụng và tự ý bán không được sự đồng ý của chị Th, số tiền bán hai chiếc xe được 16.000.000 đồng anh Th đã sử dụng riêng, vì đây là tài sản chung nên anh Th phải trả lại cho chị Th 50% giá trị đã bán của hai chiếc xe. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu này của chị Th, buộc anh Th phải trả cho chị Th số tiền 8.000.000 đồng.

- Đối với diện tích đất khoảng 6.000m2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, đất đã được đo năm 2012 đứng tên chị Đỗ Thị Th nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng, giếng nước trên đất anh Th cho rằng đây là tài sản riêng của anh vì diện tích đất này nằm trong tổng diện tích khoảng 1,4ha của anh và chị Th, năm 2013 vì cần tiền cho con ăn học và để xây nhà nên anh chị đã bán khoảng 7000m2 đất cho anh Huỳnh Văn H được 400.000.000 đồng và đưa cho bố đẻ của chị Th là ông O giữ hộ, khi đưa tiền không có giấy tờ gì. Số tiền này đến nay ông O không trả lại cho anh chị, thời điểm năm 2014 – 2015 khi anh chị làm thủ tục ly hôn tại TAND huyện Tuy Đức, anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vì cho rằng diện tích đất còn lại tương đương với số tiền 400.000.000 đồng bán đất đã đưa cho ông O, nên diện tích đất này là của anh, tuy nhiên anh Th không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc có đưa cho ông O giữ hộ số tiền 400.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với ông O nhưng ông O không thừa nhận việc này. Tòa án đã hướng dẫn cho anh Th làm đơn yêu cầu phản tố về việc gửi ông O 400.000.000 đồng là tài sản chung của hai anh chị để đưa vào giải quyết trong cùng vụ án nhưng anh Th không làm đơn yêu cầu phản tố, nên Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu này của anh Th, vì vậy HĐXX xét thấy diện tích đất khoảng 6.000m2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông và cây trồng, giếng nước trên đất là tài sản chung của chị Th và anh Th nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th và giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản, tại chứng thư thẩm định giá số: 1752/16/CT.SACC ngày 29/9/2016 của Công ty Cổ phần tư vấn & Thẩm định giá Đ N chi nhánh tại Đăk Nông, kết quả như sau:

Về đất: Diện tích 5952,9m2 thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Diện tích đất đã được đo đạc năm 2012 đứng tên Đỗ Thị Th nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá 196.446.000 đồng, tứ cận lô đất như sau:

- Phía Đông giáp suối dài 43m;
- Phía Tây giáp đường tỉnh lộ một dài 31,5m;
- Phía Bắc giáp nhà anh H dài 171m;
- Phía Nam giáp nhà anh V và Út Th dài 200m.

Tài sản trên đất:

- 01giếng nước sâu 19m có thành xây, không nắp đậy; Sân giếng láng xi măng diện tích 4m2. Trị giá 11.531.000 đồng.

- Cây trồng trên đất gồm 358 cây tiêu *(trong đó 128 cây trồng năm 2008 và 230 cây trồng năm 2013)*; 134 cây cà phê vối *(trong đó 87 cây trồng năm 2007 và 47 cây trồng năm 2015)*; 125 cây cà phê chè; 05 cây điều trồng năm 2008; 30 cây mít trồng năm 2008; 302 cây muồng đen trồng năm 2013; 02 cây mận trồng năm 2010; 08 cây sầu riêng trồng năm 2014; 03 cây xoài trồng năm 2013; 01 cây ổi trồng năm 2014; 01 cây quýt trồng năm 2014; 01 cây mãng cầu trồng năm 2014; 02 cây mắc ca trồng năm 2015; 12 cây bơ trồng năm 2013. Trị giá 80.432.000 đồng.

Tổng giá trị khối tài sản chung gồm đất, tài sản trên đất (cây trồng, giếng nước) và giá trị 02 chiếc xe máy là 304.409.000 đồng.

** HĐXX xét thấy công sức tạo lập đóng góp vào khối tài sản chung của chị Th và anh Th là ngang nhau, vì vậy cần chia đôi số tài sản chung như sau:*

* Giao cho chị Đỗ Thị Th được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp 2.980,6m2, nằm trong thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, có chiều dài các cạnh và tứ cận như sau: (trị giá 98.360.000 đồng)

Phía Đông giáp suối dài 21,5m;

Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 1 dài 15,75m;

Phía Bắc giáp đất chị Th và anh Th dài 189,5m .

Phía Nam giáp nhà anh V và Út Th dài 200m. (Có trích đo thửa đất kèm theo gồm các cạnh EBCF).

- Tài sản trên đất gồm: 37 cây cà phê vối *(trong đó gồm 20 cây trồng năm 2007 và 17 cây trồng năm 2015)*; 46 cây cà phê chè trồng năm 2008; 229 cây tiêu *(trong đó gồm 58 cây trồng năm 2008 và 171 cây trồng năm 2013)*; 05 cây điều trồng năm 2008; 19 cây mít trồng năm 2008; 104 cây muồng đen trồng năm 2013; 02 cây mận trồng năm 2010; 04 cây sầu riêng trồng năm 2014; 01 cây xoài

trồng năm 2013; 01 cây mãng cầu trồng năm 2014; 02 cây mắc ca trồng năm 2015; 07 cây bơ trồng năm 2013. Tổng giá trị cây trồng là 48.028.200 đồng.

- 01giếng nước sâu 19m có thành xây, không nắp đậy; sân giếng rộng 4m2. Trị giá 11.531.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hữu Th (H) phải trả cho chị Đỗ Thị Th số tiền 8.000.000 đồng tiền bán 02 chiếc xe máy.

* Giao cho anh Nguyễn Hữu Th (H) được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp 2.972,3m2, nằm trong thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, có chiều dài các cạnh và tứ cận như sau: (trị giá 98.086.000 đồng)

Phía Đông giáp suối dài 21,5m;

Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 1 dài 15,75m;

Phía Bắc giáp đất anh H dài 171m;

Phía Nam giáp đất chị Th và anh Th dài 189,5m. (Có trích đo thửa đất kèm theo gồm các cạnh AEFD).

- Tài sản trên đất gồm: 97 cây cà phê vối *(trong đó gồm 57 cây trồng năm 2007 và 40 cây trồng năm 2015)*; 79 cây cà phê chè trồng năm 2008; 129 cây tiêu *(trong đó 70 cây trồng năm 2008 và 59 cây trồng năm 2013)*; 11 cây mít trồng năm 2008; 198 cây muồng đen trồng năm 2013; 04 cây sầu riêng trồng năm 2014; 02 cây xoài trồng năm 2013; 01 cây ổi trồng năm 2014; 01 cây quýt trồng năm 2014; 05 cây bơ trồng năm 2013. Tổng giá trị cây trồng là 32.403.800 đồng.

* Như vậy phần tài sản chia cho chị Th tương đương 165.919.200; phần tài sản chia cho anh Th tương đương 138.489.800. Phần tài sản chung chị Thùy được nhận nhiều hơn anh Th 27.429.400 đồng, vì vậy chị Th phải trả cho anh Thọ 50% trên số tiền chênh lệch được nhận nhiều hơn, tương đương 13.714.700 đồng.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí thẩm định giá diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất mà nguyên đơn đã nộp là 6.900.000 đồng để Tòa án thành lập Hội đồng xem xét thẩm định huyện Tuy Đức và thuê trung tâm thẩm định giá Đ N. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 50% chi phí định giá, nguyên đơn xin chịu 50% chi phí định giá. Yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Vì vậy cần buộc anh Nguyễn Hữu Th phải trả lại cho chị Th số tiền 3.450.000 đồng.

[5] Tổng giá trị tài sản quy thành tiền chị Th được nhận là 165.919.200 đồng, anh Th được nhận là 138.489.800 đồng, phần tài sản chị Th được nhận cao hơn phần tài sản anh Th được nhận là 27.429.400 đồng, chị Th đồng ý thanh toán cho anh Th phần giá trị tài sản chênh lệch là 13.714.700 đồng được khấu trừ vào số tiền 8.000.000 giá trị 50% của hai chiếc xe máy anh Th đã bán và 3.450.000 tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí thẩm định giá là 11.450.000. Chị Th còn phải trả cho anh Th số tiền 2.264.700 đồng.

[6] Đối với các tài sản là 01 ngôi nhà gỗ; 01 ti vi; 01 dàn máy xịt thuốc sâu và mô tơ cùng 04 cuộn dây; 01 tủ lạnh; 1,2m3 gỗ; 80.000.000 đồng tiền bán cà phê và tiêu năm 2015. Tuy nhiên ngày 04 tháng 3 năm 2016 chị Th đã làm đơn xin rút một phần đơn khởi kiện với các tài sản trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của chị Th nên được Tòa án chấp nhận, vì vậy HĐXX quyết định đình chỉ giải quyết đối với các tài sản trên.

[7] Về án phí: Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Hữu Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 147; khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 33; Điều 59; Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Th về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

* Giao cho chị Đỗ Thị Th được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp 2.980,6m2, nằm trong thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, có chiều dài các cạnh và tứ cận như sau:

Phía Đông giáp suối dài 21,5m;

Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 1 dài 15,75m;

Phía Bắc giáp đất chị Th và anh Th dài 189,5m .

Phía Nam giáp nhà anh V và Út Th dài 200m. (Có trích đo thửa đất kèm theo gồm các cạnh EBCF).

Tài sản trên đất gồm: 37 cây cà phê vối *(trong đó gồm 20 cây trồng năm 2007 và 17 cây trồng năm 2015)*; 46 cây cà phê chè trồng năm 2008; 229 cây tiêu *(trong đó gồm 58 cây trồng năm 2008 và 171 cây trồng năm 2013)*; 05 cây điều trồng năm 2008; 19 cây mít trồng năm 2008; 104 cây muồng đen trồng năm 2013; 02 cây mận trồng năm 2010; 04 cây sầu riêng trồng năm 2014; 01 cây xoài trồng năm 2013; 01 cây mãng cầu trồng năm 2014; 02 cây mắc ca trồng năm 2015; 07 cây bơ trồng năm 2013; 01giếng nước sâu 19m có thành xây, không nắp đậy; sân giếng rộng 4m2.

* Giao cho anh Nguyễn Hữu Th (tên gọi khác: H) được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp 2.972,3m2 nằm trong thửa đất số 72, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại Bon B, xã Q T, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, có chiều dài các cạnh và tứ cận như sau:

Phía Đông giáp suối dài 21,5m;

Phía Tây giáp đường tỉnh lộ 1 dài 15,75m;

Phía Bắc giáp đất anh H dài 171m;

Phía Nam giáp đất chị Th và anh Th dài 189,5m. (Có trích đo thửa đất kèm theo gồm các cạnh AEFD).

Tài sản trên đất gồm: 97 cây cà phê vối *(trong đó gồm 57 cây trồng năm 2007 và 40 cây trồng năm 2015)*; 79 cây cà phê chè trồng năm 2008; 129 cây tiêu *(trong đó 70 cây trồng năm 2008 và 59 cây trồng năm 2013)*; 11 cây mít trồng năm 2008; 198 cây muồng đen trồng năm 2013; 04 cây sầu riêng trồng năm 2014; 02 cây xoài trồng năm 2013; 01 cây ổi trồng năm 2014; 01 cây quýt trồng năm 2014; 05 cây bơ trồng năm 2013.

* Chị Đỗ Thị Th phải trả cho anh Nguyễn Hữu Th (tên gọi khác: H) số tiền 2.264.700 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Hữu Th mỗi người phải chịu 7.610.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm của chị Th được khấu trừ vào số tiền 7.770.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 008711, ngày 21 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Chị Đỗ Thị Th còn được nhận lại 160.000 đồng *(Một trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Thọ